

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2019/HSST  
Ngày: 24/10/2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Doãn Thị Lệ và Ông Bùi Hữu Nghĩa

***- Thư ký phiên tòa:***Bà Phạm Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà:*** Bà Đinh Thị Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24/10/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 132/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2019/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

**Đặng Duy Đ (C);** sinh năm 1992 tại Gia Lai; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 6, xã T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1967; Bị cáo có vợ là Phạm Thị Thanh T (Đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2019 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai (có mặt tại phiên tòa).

**\* Người bị hại:**

1. Anh Võ Đức H, sinh năm 1996 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Thanh H, xã Ia H, Hện Ia G, tỉnh Gia Lai.

2. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Ia R, xã Chư H, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Chị Nguyễn Thị Bích Hg, sinh năm 1998 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 503 Phan Đình P, tổ 8, phường Yên Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Trương Nữ Ngọc B, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 05/2 Hoàng Văn T, tổ 9, phường Hoa L; thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Anh Nguyễn Linh S, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 47/49 A Ma Q, phường Hoa L; thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Chị Lê Thùy T1, sinh năm 1998 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 14 Lê L, tổ 10, phường Hội T; thành phố P, tỉnh Gia Lai.

4. Anh Nguyễn Nhật T2, sinh năm 1997 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Tiên S, xã Tân S; thành phố P, tỉnh Gia Lai.

5. Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 42/12 Phan Đình P, tổ 9, phường Tây S, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

6. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1993 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 54 Lê D, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

7. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 56 Trần P, phường Tây S, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

8. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 302 Hùng V, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

9. Chị Nguyễn Thị Thùy P, sinh năm 1984 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 34 Đồng T, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

10. Anh Đặng Văn Đ, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn 6, xã Trà Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**\* Người làm chứng:**

1. Chị Lê Thị Phương L, sinh năm 2001 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Số 23/26/6 Ngô Thị N, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

2. Bà Hà Thị H, sinh năm 1962 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn 1, xã C, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Duy Đ và chị Trương Nữ Ngọc B có quan hệ tình cảm với nhau. Với thủ đoạn sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo của B và lập tài khoản mạng xã hội Zalo, đặt ảnh đại diện là một người phụ nữ xinh đẹp, không sử dụng chế độ chặn tin nhắn của người lạ trên điện thoại di động, để nhắn tin qua lại với những người nam giới; nếu người nhắn tin hẹn đi uống cà phê hay đi nhà nghỉ, thì Đ nhắn tin trả lời đồng ý và đến điểm hẹn để gặp. Khi gặp, Đ giả vờ đe dọa những người này vì đã nhắn tin tán tỉnh, gạ gẫm người yêu hoặc vợ của Đ, nhằm tạo sức ép buộc phải đưa tiền, tài sản theo yêu cầu của Đ. Tiếp đó, Đ sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt thêm tài sản của những người trên hoặc người thân của họ. Từ ngày 22/11/2018 đến ngày 12/02/2019, Đ đã thực hiện các vụ chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn TP.P, như sau:

*Vụ thứ nhất:* Khoảng giữa tháng 11/2018, khi mượn điện thoại di động của chị Trương Nữ Ngọc B để sử dụng, Đặng Duy Đ phát hiện có 01 tài khoản Zalo mang tên “*Võ Đức H*” nhắn tin tán tỉnh B.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22/11/2018, khi đang ngồi chơi tại phòng trọ của Trần Quang K (chưa xác định được nhân thân, địa chỉ - là bạn của Đ) ở đường Lý Thường K, xã Trà Đ, TP.P, Đ mượn điện thoại di động của K và Đ nhập vào tài

khoản Zalo tên “B T” của chị B (mã Đ nhập Đ không còn nhớ) để xem người tên H có còn nhắn tin tán tỉnh B hay không, thì nhận được tin nhắn từ H với nội dung: “*Đi không em*”. Do muốn biết H là ai, quan hệ như thế nào với B, đồng thời muốn có tiền để sử dụng ma túy, nên Đ nảy sinh ý định giả danh B để nhắn tin hẹn gặp H; khi gặp H, Đ sẽ lấy lý do H nhắn tin tán tỉnh, gạ gẫm bạn gái của Đ để đe dọa dùng vũ lực, nhằm chiếm đoạt tài sản của H. Đ nhắn tin hẹn gặp H tại khu vực Công viên xã Trà Đ; do làm tưởng là mình đang nhắn tin với B, nên H đồng ý. Khoảng 15 phút sau, anh H đến điểm hẹn và nhắn tin lại vào tài khoản “B T”, thì Đ rủ K cùng đi ra gặp anh H. Do trước đó Đ có rủ B đến phòng trọ của K chơi, nên khi Đ và K vừa đi ra, thì gặp B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Luvias, biển số 81B1-166.81 đến. Đ bảo B vào phòng trọ của K đợi, và mượn xe mô tô 81B1-166.81 của B để đi công việc. Đ điều khiển xe mô tô 81B1-166.81 chở K ra Công viên xã Trà Đ, thì thấy anh Võ Đức H đang ngồi trên xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu sơn trắng đỏ, biển số 79H1-480.97. Đ đến hỏi: “*Phải H không?*”, nhưng anh H không thừa nhận mình là H. Đ mở Zalo cho anh H xem các tin nhắn đến tài khoản “B T”, thì anh H thừa nhận mình là người đã nhắn tin với B trước đó. Lúc này khoảng hơn 21 giờ cùng ngày, Công viên Trà Đ tối và vắng người, Đ đe dọa sẽ dùng vũ lực đối với anh H vì đã nhắn tin tán tỉnh vợ Đ, đồng thời yêu cầu anh H đưa tiền để mua bia về uống. Sợ bị Đ đánh, nên anh H lấy ví của mình đưa cho K cầm. K kiểm tra ví rồi nói với Đ trong ví chỉ có ít tiền lẻ và giấy tờ (gồm giấy Chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe mô tô 79H1-480.97 và Giấy phép lái xe mô tô đều mang tên anh H), nên Đ yêu cầu H đưa điện thoại di động nhãn hiệu SONY XA1 màu vàng đồng của H cho Đ. Sau đó, Đ một mình điều khiển xe mô tô 81B1-166.81 về trả cho B; K trả lại ví và tiền trong ví cho H, còn giấy tờ của H thì Khanh giữ lại. Một lúc sau, Đ đi bộ quay lại Công viên, thì K đưa giấy Chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe mô tô 79H1-480.97 và Giấy phép lái xe mô tô của anh H cho Đ cầm. Đ điều khiển xe mô tô 79H1-480.97 chở anh H và K đến tiệm cầm đồ 24h trên đường Lê D, phường Phù Đ, TP.P (do anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 làm quản lý), để K vào thế chấp điện thoại của anh H lấy 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Tiếp đó, Đ điều khiển xe chở K và anh H đến đường Nguyễn Trung T, phường Hội P, TP.P (chưa xác định được vị trí cụ thể); tại đây, Đ bảo K và H xuống xe đứng chờ, để Đ đi mua ma túy. Trong lúc K và anh H đứng chờ, thì có đối tượng tên Quốc A (tên gọi khác là “Mèo”, chưa xác định nhân thân, địa chỉ - là người quen của Đ) cùng hai đối tượng khác đi đến. Nghe K nói anh H là người tán tỉnh vợ Đ, nên các đối tượng trên xông vào đánh H. Vừa lúc này, Đ quay lại can ngăn, nên các đối tượng trên bỏ đi. Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô 79H1-480.97 của anh H chở K và anh H về khu phòng trọ của K. Do K thuê 02 phòng, nên Đ yêu cầu anh H vào 01 phòng để đợi, còn Đ, K và Bích vào phòng K cùng sử dụng ma túy. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô 79H1-480.97 chở anh H đến nhà nghỉ Hướng N ở đường Lý Thường K, xã Trà Đ, TP.P để thuê phòng cho anh H ở qua đêm, đồng thời Đ nói

sáng hôm sau sẽ trả lại xe mô tô 79H1-480.97 cùng các giấy tờ cho anh H về, nên anh H đồng ý.

Khoảng 06 giờ ngày 23/11/2018, anh H ra khu vực để xe của nhà nghỉ Hướng N dắt xe mô tô 79H1-480.97 để về, thì bị Đ phát hiện. Đ đi đến dùng dép đánh vào đầu anh H một phát và nói: *“Mày định bỏ trốn hả?”*; anh H sợ nên trả lời là chỉ đi mua thuốc hút, rồi cùng Đ quay vào phòng. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Đ yêu cầu anh H đi thế chấp xe mô tô 79H1-480.97 lấy tiền cho Đ mượn; sợ bị Đ đánh, nên anh H đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô 79H1-480.97 chở anh H đến tiệm cầm đồ L (số 21 đường Lê D, phường Phù Đ, TP.P), rồi giao xe và đưa giấy Chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe mô tô 79H1-480.97 và Giấy phép lái xe mô tô, để anh H vào thế chấp cho bà Nguyễn Thị Thùy P (sinh năm 1984, là quản lý tiệm cầm đồ L), lấy 10.000.000đ (mười triệu đồng) đưa cho Đ. Tiếp đó, Đ cùng với anh H đi taxi đến tiệm cầm đồ 24h chuộc lại điện thoại di động của anh H, nhưng Đ vẫn giữ lại không trả cho anh H. Do Đ chưa trả điện thoại di động và tiền thế chấp xe mô tô 79H1-480.97, nên anh H không thể về được. Đến 14 giờ cùng ngày, Đ yêu cầu anh H đến tiệm cầm đồ L lấy thêm 7.000.000đ (bảy triệu đồng) đưa cho Đ và nói hôm sau sẽ trả lại. Đến 21 giờ cùng ngày, Đ tiếp tục yêu cầu anh H đến tiệm cầm đồ lấy thêm 3.000.000đ (ba triệu đồng) đưa cho Đ, rồi Đ dẫn anh H đến nhà nghỉ Hướng N thuê phòng để ngủ.

Tối ngày 23/11/2019, trong quá trình giữ và sử dụng điện thoại di động của anh H, Đ thấy có tài khoản Zalo tên *“Bích H”* nhắn tin với anh H và xưng là vợ, chồng; đây là tài khoản Zalo của chị Nguyễn Thị Bích Hg, là bạn gái của anh H. Đ nảy sinh ý định dùng tài khoản Zalo của anh H nhắn tin lừa chị Hg để lấy tiền. Đ dùng tài khoản Zalo của anh H nhắn tin bảo chị Hg mang 3.000.000đ (ba triệu đồng) đến đường Cách Mạng Tháng T, phường Hoa L, TP.P, để chuộc anh H về do anh H đánh bài nợ tiền người khác. Chị Hg nghi ngờ nên gọi Zalo vào điện thoại di động của anh H; thấy có cuộc gọi từ chị Hg, Đ cầm máy và yêu cầu anh H nghe. Khi anh H vừa nói: *“Alo”*, thì Đ tắt cuộc gọi. Chị Hg nghe đúng giọng nói của anh H, nên tin là anh H đang nợ tiền người khác, nhưng vì không có đủ số tiền 3.000.000đ, nên chị Hg chưa mang đến đường Cách Mạng Tháng T theo yêu cầu của Đ được. Do đợi lâu, nên Đ giả vờ dùng tài khoản Zalo của anh H gọi cho chị Hg và nói: *“Không cần nữa”*.

Đến khoảng 02 giờ ngày 24/11/2018, Đ tiếp tục dùng tài khoản Zalo của anh H nhắn tin cho chị Hg và hỏi: *“Còn bao nhiêu tiền”*; chị Hg trả lời là còn khoảng 2.000.000đ. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, Đ nhắn tin yêu cầu chị Hg mang 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến nhà nghỉ Cây S (số 42/112 đường Phan Đình P, Tổ 9, phường Tây S, TP.P) đưa cho chủ nhà nghỉ. Do tin tưởng là anh H nợ tiền người khác, nên chị Hg đã mang 2.000.000đ đến nhà nghỉ Cây S đưa cho anh Nguyễn Hoàng K, rồi gọi lại thông báo cho Đ biết. Khi biết chị Hg đã đưa tiền cho anh K, Đ

gọi điện thoại bảo anh K chuyển số tiền trên vào tài khoản Ngân hàng Ngoại thương (Vietcombank) của Đ, số 0291000334744. Anh K chuyển vào tài khoản của Đ số tiền 1.980.000đ và giữ lại 20.000đ phí dịch vụ. Tiếp đó, Đ yêu cầu chị Hg mua 02 thẻ cào điện thoại mạng Viettel, mỗi thẻ mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), cào mã và chụp hình gửi qua Zalo của anh H.

Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Đ và anh H trả phòng ở nhà nghỉ Hướng N, rồi đến quán cà phê ở vỉa hè đường Tôn Thất T, TP.P uống nước. Tại đây, Đ giả vờ bảo anh H ngồi đợi để Đ về nhà lấy tiền mang đến trả, rồi bỏ trốn. Ngay sau đó, Đ mang điện thoại di động của anh H đến cửa hàng điện thoại Hoàn T (số 302 đường Hùng V, phường Hội T, TP.P) thế chấp cho anh Nguyễn Văn Q (sinh năm 1987, là chủ cửa hàng) lấy 800.000đ (tám trăm nghìn đồng). Số tiền chiếm đoạt của anh H và chị Hg, Đ đã tiêu xài hết.

Quá trình điều tra vụ án, do anh Nguyễn Văn Q đã bán lại điện thoại di động mà Đặng Duy Đ thế chấp cho người khác (vì hết thời hạn thế chấp nhưng Đ không quay lại chuộc), nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không thu giữ được. Qua trưng cầu định giá, tại Kết luận định giá tài sản số 105/KL-HĐĐG ngày 22/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP.P, kết luận: Vào thời điểm ngày 22/11/2018, điện thoại di động nhãn hiệu SONY XA1, màu vàng đồng của anh Võ Đức H trị giá 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra vụ án, ông Đặng Văn Đ đã chuộc lại xe mô tô 79H1-480.97 do Đ ép anh Võ Đức H thế chấp tại tiệm cầm đồ L và trả lại cho anh H.

*Vụ thứ hai:* Tháng 02/2019, Đặng Duy Đ sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu đồng của Trương Thị Ngọc B, lập tài khoản Zalo tên “*Cố quên quá khứ*”, số điện thoại là 0977.948.367 của Đ, mật mã Đ nhập là “*cailon84*”, đặt ảnh đại diện là một người phụ nữ xinh đẹp và không sử dụng chế độ không nhận tin nhắn của người lạ. Ngày 10/02/2019, tài khoản Zalo trên nhận được tin nhắn từ tài khoản Zalo mang tên “*L Nguyễn*”, của anh Nguyễn Thành L; anh L nghĩ tài khoản Zalo “*Cố quên quá khứ*” là của nữ giới, không biết là do Đ lập ra, nên nhắn tin qua lại và hẹn gặp nhau tại quán cà phê Dona ở số 23/26/6 đường Ngô Thì N, tổ 13, phường Phù Đ, TP.P. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 10/2/2019, Đ và B đón xe taxi biển số 81A-106.79 do anh Nguyễn Linh S điều khiển đến quán cà phê Dona; anh S cùng với Đ, B vào quán và ngồi tại chòi số 02. Khoảng 10 phút sau, anh L điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại xe Air Blade, màu đen, biển số 81S9-3333 đến quán cà phê Dona để gặp người phụ nữ có tài khoản Zalo “*Cố quên quá khứ*” như đã hẹn. Đ thấy anh L vào ngồi ở chòi số 03, nên đi sang chỗ anh L giả vờ đe dọa, định đánh anh L vì đã nhắn tin tán tỉnh bạn gái của Đ. Anh L sợ và xin lỗi vì không biết tài khoản Zalo “*Cố quên quá khứ*” là của bạn gái Đ. Lúc này khoảng hơn 19 giờ cùng ngày, sau khi đe dọa anh L thì Đ giả vờ hỏi mượn tiền của anh L. Do sợ Đ đánh và sợ gia đình, bạn gái biết về việc đã nhắn tin tán tỉnh bạn gái của người khác, nên anh L lấy ra

2.000.000đ (hai triệu đồng) đưa cho Đ. Số tiền anh L đưa, Đ trả tiền taxi cho anh S 1.000.000đ và đưa cho B 500.000đ để B trả tiền thuê khách sạn trước đó. Khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, sợ để anh L về thì anh L sẽ báo Công an về việc bị đe dọa, mượn tiền, nên Đ tiếp tục đe dọa, yêu cầu anh L cùng đến khách sạn Hoàn H 2 (đường Lê D, phường Phù Đ, TP.P) thuê phòng nghỉ lại cùng với Đ và B; do sợ Đ, nên anh L đồng ý. B đi taxi, anh L điều khiển xe mô tô 81S9-3333 chở Đ đến khách sạn Hoàn H 2. Tại đây, Đ bảo anh L dùng Chứng minh nhân dân của anh L để thuê phòng số 303, rồi cùng với Đ, B vào nghỉ. Một lúc sau, Đ yêu cầu anh L cho mượn điện thoại di động hiệu OPPO A3S 16Gb màu tím đen và Laptop của anh L để chơi game, nhưng thực chất là để chiếm đoạt điện thoại của anh L và để anh L không liên lạc được với người thân hoặc báo cơ quan Công an về hành vi của Đ. Tiếp đó, Đ hỏi anh L có thẻ ATM nào không sử dụng, thì cho Đ. Do sợ bị Đ đánh, nên anh L đưa cho Đ điện thoại, laptop và 01 thẻ ATM của Ngân hàng Đông Á, số tài khoản 0106260275, mật khẩu 5264, rồi đi ngủ.

Sáng ngày 11/02/2019, B đi về trước. Khoảng 11 giờ cùng ngày, Đ bảo anh L trả tiền thuê phòng và chờ, để Đ đi công việc. Khi đi, Đ mang theo điện thoại hiệu Oppo A3S của anh L và xuống quầy lễ tân lấy giấy Chứng minh nhân dân của anh L. Sau đó, Đ đến cửa hàng điện thoại di động Hoàn T (số 56 đường Trần P, phường Tây S, TP.P) bán điện thoại trên cho anh Nguyễn Văn P (sinh năm 1985, là chủ cửa hàng) lấy 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiêu xài. Đối với anh L, do chờ nhưng không thấy Đ quay lại, nên đi về.

Sáng ngày 12/02/2019, anh L liên lạc với Đ hỏi xin lại giấy Chứng minh nhân dân để đi khám bệnh ở TP.Hồ Chí Minh. Biết anh L đang cần giấy Chứng minh nhân dân để khám bệnh, nên Đ nảy sinh ý định lừa anh L để lấy tiền. Đ nói đã mang giấy Chứng minh nhân dân của anh L đi thế chấp lấy 2.350.000đ (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), gồm 2.000.000đ tiền gốc, 200.000đ tiền lãi và 150.000đ Đ nợ trước đó, đồng thời bảo anh L đi chuộc lại. Do tưởng thật và cần lấy lại giấy Chứng minh nhân dân của mình, nên anh L đồng ý. Đ hướng dẫn anh L đến tiệm Hồng P ở số 14 đường Lê L, Tổ 10, phường Hội T, TP.P trả tiền và lấy giấy Chứng minh nhân dân. Sau đó, Đ tự tay viết giấy mượn tiền với nội dung: Nguyễn Thành L mượn của bà Nguyễn Thị H (người này do Đ tự nghĩ ra) số tiền 2.000.000đ vào ngày 11/02/2019, mục đích để anh L tin là Đ đã mang giấy Chứng minh nhân dân của anh L đi thế chấp. Tiếp đó, Đ đến tiệm Hồng P ở số 14 đường Lê L, phường Hội T, TP.P, gặp chị Lê Thùy T1 đưa giấy Chứng minh nhân dân của anh L cùng với giấy mượn tiền (do Đ tự viết nêu trên) cho chị T1. Đ nói với chị T1 khi có người mang số tiền 2.350.000đ đến, thì nhận tiền rồi đưa giấy tờ này cho người đó và chuyển tiền số tiền trên vào tài khoản Ngân hàng Vietcombank số 0291000334744 của Đ; chị T1 đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, anh L đến tiệm Hồng P đưa số tiền 2.350.000đ cho chị T1, chị T1 giao giấy Chứng minh nhân dân cùng với giấy mượn tiền cho anh L, rồi chuyển tiền vào tài khoản của Đ. Đ nhận được số tiền 2.330.000đ (hai triệu ba trăm

ba mươi nghìn đồng), còn 20.000đ là tiền phí dịch vụ chuyển tiền của chi T1. Do thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank của Đ đã bị mất, nên Đ chuyển số tiền 2.330.000đ nêu trên vào tài khoản số 0106260275 tại Ngân hàng Đông Á của anh L, rồi sử dụng thẻ ATM đã chiếm đoạt của anh L (có mật khẩu 5264) để rút số tiền trên ra tiêu xài. Đối với anh L, sau đó đã đến Công an TP.P trình báo về việc bị Đ chiếm đoạt tài sản như nêu trên.

Ngày 13/3/2019, Đặng Duy Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đầu thú. Quá trình điều tra vụ án, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi đe dọa sẽ dùng vũ lực và hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh Võ Đức H, chị Nguyễn Thị Bích Hg và anh Nguyễn Thành L như nêu trên.

Đối với điện thoại di động hiệu OPPO A3S do Đặng Duy Đ chiếm đoạt của anh Nguyễn Thành L và bán cho anh Nguyễn Văn Q, sau đó anh Q đã bán lại cho người khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không thu giữ được. Qua trưng cầu định giá, tại Kết luận định giá tài sản số 52/KL-HĐ ĐG ngày 26/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP.P, kết luận: Vào thời điểm ngày 11/02/2019, điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A3S, loại 16GB, số Imeil 865720044508338 của anh Nguyễn Thành L trị giá 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá.

Tại Cáo trạng số: 137/CT-VKS ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố Đặng Duy Đ về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

\*Áp dụng khoản 1 Điều 170 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Duy Đ từ 02 (Hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội Cưỡng đoạt tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 174 và điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Duy Đ từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Đặng Duy Đ chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù.

\*Về trách nhiệm dân sự và vật chứng của vụ án: Đề nghị HĐXX trả lại cho Đặng Duy Đ một điện thoại di động ASUS Zenphon 5 màu vàng và 01 giấy chứng minh thư nhân dân mang tên Đặng Duy Đ. Trả lại cho ông Đặng Văn Đ số tiền 1.540.000đ.

Trước khi HĐXX nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là phạm tội mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo với hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với xã hội, làm một công dân có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Đặng Duy Đ tại phiên tòa phù hợp lời khai tại hồ sơ, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Với thủ đoạn sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo của Trương Nữ Ngọc B và lập tài khoản mạng xã hội Zalo, đặt ảnh đại diện là một người phụ nữ xinh đẹp, không sử dụng chế độ chặn tin nhắn của người lạ trên điện thoại di động, khi có người nhắn tin làm quen và biết đó là nam giới, Đặng Duy Đ sẽ nhắn tin qua lại với nội dung tán tỉnh, lả lơi để người nhắn tin lầm tưởng Đ là phụ nữ. Nếu những người nhắn tin hẹn đi uống cà phê hay đi nhà nghỉ, thì Đ trả lời đồng ý rồi đến điểm hẹn để gặp. Khi gặp những người đã nhắn tin, Đ giả vờ đe dọa sẽ dùng vũ lực, uy hiếp tinh thần với lý do họ đã nhắn tin tán tỉnh, gạ gẫm người yêu hoặc vợ của Đ, nhằm mục đích làm cho những người này sợ bị Đ đánh, sợ mất danh dự, uy tín mà buộc phải đưa tiền và tài sản theo yêu cầu của Đ. Tiếp đó, tùy vào hoàn cảnh sự việc, Đ tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của những người đã bị Đ đe dọa, hoặc người thân của họ. Trong khoảng thời gian từ ngày 22/11/2018 đến ngày 12/02/2019, Đ đã thực hiện 02 vụ đe dọa, uy hiếp tinh thần đối anh Võ Đức H và anh Nguyễn Thành L, để chiếm đoạt của anh H tài sản có trị giá 21.800.000đ (hai mươi một triệu tám trăm nghìn đồng), chiếm đoạt tài sản của anh L có trị giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng); thực hiện 02 vụ dùng thủ đoạn gian dối đối với chị Nguyễn Thị Bích Hg và anh L, để chiếm đoạt của chị Hg 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng), chiếm đoạt của anh L 2.350.000đ (hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Đến ngày 13/3/2019, Đ ra đầu thú.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo đe dọa dùng vũ lực nhằm chiếm đoạt tài sản; đưa ra thông tin gian dối làm người bị hại tin tưởng rồi chiếm đoạt tài sản là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, quyền được pháp luật hình sự bảo vệ về sức khỏe, tính mạng; ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Vì vậy đã phạm vào tội Cường đoạt tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Khoản 1 Điều 170 và Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Đặng Duy Đ, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội đã tác động đến gia đình bồi thường cho người bị hại, quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành thật khai báo và ăn năn hối cải; sau phạm tội đã đầu thú. Đây

là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với cả hai tội mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt là có cơ sở cần chấp nhận. Tuy nhiên bị cáo là người nghiện ma túy, vì muốn có tiền sử dụng ma túy đã phạm tội, thực hiện tội phạm hai lần đối với cả hai tội do đó phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xét thấy cần thiết phải xử phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, nhằm giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại Khoản 5 Điều 170 và Khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với việc Võ Đức H bị Đặng Duy Đ dùng dép đánh vào đầu 01 phút, do không bị thương tích gì, nên anh H không đi khám, điều trị và cũng không có yêu cầu giám định thương tích, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với Đ về hành vi cố ý gây thương tích. Bên cạnh đó, việc anh H đi cùng Đ đến nhà nghỉ Hướng N để thuê phòng nghỉ, là do anh H tự nguyện chứ không bị Đ đe dọa, ép buộc, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với Đ về hành vi giữ người trái pháp luật, là có căn cứ.

Đối với Trần Quang K, là người đi cùng Đặng Duy Đ đến gặp Võ Đức H tại Công viên Trà Đ vào tối ngày 22/11/2018 và có hành vi giữ ví, giấy Chứng minh nhân dân của H sau khi H bị Đ chiếm đoạt tài sản. Giữa Đ và K không bàn bạc, thống nhất trước về việc sẽ cưỡng đoạt tài sản của anh H; quá trình điều tra vụ án do Đ không biết rõ về nhân thân, địa chỉ của K, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P chưa xác định và làm việc được với K. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào làm việc được với đối tượng K nêu trên, sẽ xem xét và xử lý sau.

Đối với Trương Nữ Ngọc B, là bạn gái của Đặng Duy Đ, qua điều tra không có căn cứ xác định chị B biết và thông đồng với Đ về việc Đ dùng tài khoản Zalo để tạo cơ hội cưỡng đoạt tài sản của các bị hại Võ Đức H, Nguyễn Thành L. Khi Đ thực hiện hành vi cưỡng đoạt tiền của anh L, thì chị B không có mặt, nên không biết số tiền 500.000đ mà Đ đưa vào ngày 11/02/2019 là do Đ phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với chị B về vai trò đồng phạm với Đ trong vụ án này và hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Linh S, là lái xe taxi, đã nhận số tiền 1.000.000đ từ tiền Đặng Duy Đ cưỡng đoạt của Nguyễn Thành L mà có nhưng S không biết số tiền trên là do

Đ phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với S về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ.

Đối với Nguyễn Văn T, là những người đã nhận cầm cố điện thoại di động hiệu Sony XA1 màu vàng đồng, là tài sản do Đặng Duy Đ chiếm đoạt của Võ Đức H. Khi nhận cầm cố chiếc điện thoại nêu trên, anh T và anh Q không biết là tài sản do Đ phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với anh T và anh Q về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là phù hợp.

Đối với anh Nguyễn Văn P, là người đã mua điện thoại di động hiệu OPPO A3S, là tài sản do Đặng Duy Đ chiếm đoạt của Nguyễn Thành L mà có. Khi mua chiếc điện thoại nêu trên, anh P không biết đó là tài sản do Đ phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với anh P về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ.

Đối với chị Nguyễn Thị Thùy P, là người đã nhận thế chấp xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển số 79H1-480.97 vào ngày 23/11/2018. Việc giao dịch, thế chấp xe mô tô trên là do Võ Đức H trực tiếp thực hiện; chị P kiểm tra giấy tờ, thì xác định xe mô tô là tài sản của anh H; việc anh H thế chấp xe là do bị Đ ép buộc, chị P không biết. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với chị P về hành vi giúp sức cho Đ trong vụ án này.

Đối với đối tượng tên Quốc A và 02 đối tượng thanh niên đi cùng Quốc A, là những người đã đánh anh Võ Đức H vào tối ngày 22/11/2018, tại đường Nguyễn Trung T, TP.P, nhưng Đặng Duy Đ không biết rõ nhân thân, địa chỉ của các đối tượng trên, nên Cơ quan điều tra chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được các đối tượng trên, sẽ làm rõ và xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

**\*Về trách nhiệm dân sự:**

Ông Đặng Văn Đ đã bồi thường cho anh Võ Đức H số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Bích Hg số tiền 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Thành L số tiền 6.350.000đ (sáu triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) và anh Nguyễn Linh S số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng). Sau khi nhận tiền bồi thường, anh H, chị Hg, anh L và anh S không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự, nên HĐXX không đề cập đến trong phần quyết định.

Quá trình điều tra vụ án, anh Nguyễn Linh S đã giao nộp số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), chị Trương Nữ Ngọc B đã nộp lại số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Hoàng K và chị Lê Thùy T1 mỗi người đã giao nộp số tiền 20.000đ (hai mươi nghìn đồng). Đây là số tiền bị cáo Đ chiếm đoạt của các bị hại, ông Đặng Văn Đ đã bồi thường thay bị cáo nên trả lại số tiền 1.540.000đ cho ông Đặng Văn Đ.

**\*Về vật chứng:**

- Điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu hồng, là tài sản của chị Trương Nữ Ngọc B; Đ đã sử dụng điện thoại này để nhắn tin qua mạng Zalo với anh Nguyễn Thành L vào ngày 10/02/2019 và sau đó thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh L. Việc Đ mượn điện thoại của chị B để sử dụng, nhưng sau đó nhắn tin Zalo với anh L, nhằm tạo cơ hội chiếm đoạt tài sản của anh L, thì chị B không biết. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã xử lý trả lại điện thoại trên cho chị B là phù hợp.

- Điện thoại di động hiệu ASUS Zenphone 5 màu vàng, số imel 357003063594843 Đ đã sử dụng làm phương tiện nhắn tin ZALO tiếp cận với anh L rồi thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản của anh L nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 giấy Chứng minh nhân dân số 230863760 mang tên Đặng Duy Đ là giấy tờ tùy thân của Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với thẻ ATM Ngân hàng Đông Á, số tài khoản 0106260275 của anh Nguyễn Thành L, sau đó Đặng Duy Đ đã rút bỏ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P không thu giữ được. Đối với thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank số tài khoản 0291000334744 của Đ, do Đ đã làm rơi mất, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P cũng không thu giữ được.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện người bị hại và người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo **Đặng Duy Đ** phạm tội “**Cưỡng đoạt tài sản**” và “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.

***-Áp dụng Khoản 1 Điều 170; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; 50 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017:***

Xử phạt bị cáo **Đặng Duy Đ** – 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

***-Áp dụng Khoản 1 Điều 174; điểm b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38; 50 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017:***

Xử phạt bị cáo Đặng Duy Đ – 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

***-Áp dụng 55 của Bộ luật hình sự năm 2015; sửa đổi, bổ sung năm 2017:***

Buộc bị cáo Đặng Duy Đ phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 13/3/2019.

***-Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:***

-Trả lại cho ông Đặng Văn Đ số tiền 1.540.000đ (Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho Đặng Duy Đ 01 giấy Chứng minh nhân dân số 230863760. Đặng Duy Đ được nhận lại giấy chứng minh nhân dân khi chấp hành xong hình phạt tù.

-Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu ASUS Zenphone 5 màu vàng, số imel 357003063594843 của Đặng Duy Đ.

***- Căn cứ Khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:***

Buộc bị cáo Đặng Duy Đ phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Bị đơn dân sự;
- Thi hành án dân sự thành phố P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Văn Tiến**